

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
ngày 25/3/2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Chính;

2. Bà Lê Thị Mỹ Ý.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Tấn Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Như Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 25/3/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Đông An H, huyện Lý S, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh **Trần Văn C**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Tây An V, huyện Lý S, tỉnh Quảng Ngãi, (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2024 và qua bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn C trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An V, huyện Lý S ngày 08/11/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà để ở tại thôn Đông An H để sinh sống và sinh được 02 con chung. Sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh C thường đi làm ăn xa rồi nảy sinh ham chơi cờ bạc và có quan hệ trai gái, thiếu trách nhiệm

với vợ con; nhiều lần chị T động viên, khuyên bảo anh C lo làm ăn, nhưng anh C không sửa đổi mà vẫn chứng nào tật nấy. Vì vậy chị T không thể chịu đựng được nữa, tuy còn ở chung với nhau nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa, hiện nay tình cảm giữa chị và anh C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn C.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Trần Thị Ngọc Tr, sinh ngày 15/10/2014 và Trần Anh T, sinh ngày 16/6/2017, hiện nay đều do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con Tr và T; yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho 02 cháu (mỗi cháu 1500.000 đồng/tháng) cho đến khi các cháu Tr và T đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Bị đơn anh Trần Văn C: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh C không đến Tòa để làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc đồng ý hay không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên toà anh C đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thủ tục cấp, tổng đạt, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện không đúng, không đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn C.

- Về con chung: Giao hai cháu Trần Thị Ngọc Tr, sinh ngày 15/10/2014 và Trần Anh T, sinh ngày 16/6/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Trần Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu Tr và T mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi cháu 1500.000 đồng/01 tháng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Trần Văn C, trú tại: Thôn Tây An V, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 04/12/2024, Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn đã thụ lý giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khi kiểm sát việc tuân theo pháp luật đã nhận xét Tòa án tiến hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, các đương sự cũng không có bất cứ khiếu nại, ý kiến gì về thủ tục tố tụng của Tòa án. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Trần Văn C.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An V, huyện Lý Sơn năm 2013, là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn: Theo trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T cho rằng, trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân anh C thường đi làm ăn xa rồi nảy sinh ham chơi cờ bạc và có quan hệ trai gái, thiếu trách nhiệm với vợ con; nhiều lần chị T động viên, khuyên bảo nhưng anh C không sửa đổi mà vẫn chứng nào tật nấy. Vì vậy chị T không thể chịu đựng được nữa, tuy còn ở chung với nhau nhưng vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Hiện nay tình cảm giữa chị và anh C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn C. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã khuyên bảo, động viên vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn và có đơn xin xét xử vắng mặt. Còn đối với bị đơn anh Trần Văn C đã Tòa án đã triệu tập nhiều lần đến làm việc, để có cơ hội hòa giải đoàn tụ nhưng anh C đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến cũng không đến phiên tòa để trình bày ý kiến về việc đồng ý hay không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, điều đó chứng tỏ anh C đã bỏ mặc cuộc sống hôn nhân của chính mình. Mặt khác, qua xác minh của Chi hội Phụ nữ Thôn Đông An H,

huyện Lý Sơn cho rằng: Mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh C thời gian gần đây thường xảy ra mâu thuẫn, có lần anh C còn đánh đập chị T nên cuộc hôn nhân này khó hàn gắn được. Do vậy, Tòa án căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và những tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91, 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đó là: Mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Trần Thị Ngọc Tr, sinh ngày 15/10/2014 và Trần Anh T, sinh ngày 16/6/2017, hiện các cháu đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tr và cháu T; yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng). Về phía anh C không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T về phần nuôi con chung. Mặt khác, qua xác minh của Chi hội Phụ nữ Thôn Đông An H cho rằng chị T, anh C đều có công việc, thu nhập ổn định nhưng việc giao con cho ai thì Tòa án quyết định. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đều cũng phải đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần của các cháu trên cơ sở tôn trọng ý kiến nguyện vọng của các cháu. Các cháu Tr và T còn nhỏ đang ở với chị T, hơn nữa các cháu đều là con gái, hiện tại môi trường sống, nhu cầu sinh hoạt và học tập của các cháu Tr và T đang ổn định, mặc khác các cháu có nguyện vọng được ở với Mẹ. Chị T có công việc làm thu nhập, chỗ ở ổn định đảm bảo điều kiện chăm sóc, giáo dục các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về yêu cầu nuôi con chung; căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84, 110 và Điều 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Trần Thị Ngọc Tr và Trần Anh T cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Trần Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu Tr và T hàng tháng, mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng (3.000.000 đồng/02 cháu) cho đến khi cháu Tr và T đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung: Chị T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 277; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Thị Ngọc Tr, sinh ngày 15/10/2014 và Trần Anh T, sinh ngày 16/6/2017 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; anh Trần Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu Tr, T mỗi tháng 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*), mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Trần Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Chị T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và được khấu trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000739 ngày 04/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Trần Văn C phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND H. Lý Sơn;
- Chi cục THADS H. Lý Sơn;
- Phòng Tư pháp H. Lý Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Thu

